TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TỪ SƠN** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/02/2024
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hoàn

*Các hội thẩm dân nhân***:** Ông Ngô Xuân Hải

Ông Nguyễn Đăng Thúy

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Huy - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 29/02/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1992 (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)

HKTT: khu phố Đ, phường C, Từ Sơn, Bắc Ninh

Hiện ở: Chung cư L, phường Đ, Từ Sơn, Bắc Ninh

Bị đơn: Anh Phạm Quang T, sinh 1992 (vắng mặt)

HKTT: khu phố Đ, phường C, Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trú tại: khu phố T, phường Đ, Từ Sơn, Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án, nguyên đơn là chị N trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Quang T vào tháng 11/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Châu Khê. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyên. Sau đó, vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình

nhà anh T tại khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đến năm 2021 thì vợ chồng ra ở riêng tại khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn mà chơi bời dẫn đến nợ nần, ảnh hưởng kinh tế gia đình. Đến cuối năm 2022 chị đã làm đơn yêu cầu ly hôn anh T và được Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn thụ lý giải quyết. Do gia đình khuyên nhủ và anh T có hứa sẽ sửa lỗi nên chị đã làm đơn rút yêu cầu khởi kiện để vợ chồng tiếp tục chung sống. Nhưng anh T không thay đổi, vẫn chơi bời không lo làm ăn nên cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, hanh phúc, không có tiếng nói chung. Đến ngày 02/10/2023, chị và con đã dọn ra ngoài thuê nhà tại Chung cư Long Vỹ, phường Đình Bảng sống từ đó đến nay, cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: có 01 con là Phạm Quang V sinh ngày 13/10/2016 hiện đang ở với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V; cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết. Hiện chị đang kinh doanh quần áo tại chợ Ninh Hiệp, thu nhập đảm bảo nuôi con. Anh T làm gì, thu nhập bao nhiêu chị không rõ.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh T trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của chị N về điều kiện, thời điểm kết hôn là đúng. Quá trình chung sống đến năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, xảy ra to tiếng. Chị N có làm đơn ly hôn sau đó anh có động viên, xin lỗi nên chị N đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng tiếp tục chung sống. Đến tháng 10/2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì đầu năm 2023 anh nghỉ việc làm chỗ chị gái để ra chỗ chị N kinh doanh tại chợ Ninh Hiệp làm việc cùng vợ nhưng chị N không tôn trọng anh, vợ chồng xảy ra to tiếng nên anh không ra đó làm nữa. Từ đầu tháng 10/2023, chị N đã ra ngoài thuê nhà tại Chung cư Long Vĩ, phường Đình Bảng sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh có gọi điện, nhắn tin cho chị N, có khuyên bảo chị N về chung sống nhưng chị N không đồng ý.

Anh không đồng ý ly hôn với chị N vì thấy mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, anh vẫn còn tình cảm với chị N.

Về con chung: có 01 con chung như chị N trình bày là đúng. Trường hợp phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu V. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết. Hiện anh làm việc tại xưởng kinh doanh sắt của anh trai tại Đa Hội, Châu Khê có thu nhập đảm bảo nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là

đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của đương sự là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 232, 235, 262, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

Cho chị N được ly hôn với anh T.

Con chung: giao cho chị N tiếp tục nuôi cháu V; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết

Tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng**:** Bị đơn là anh T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điều 227; điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

Chị Nga khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Phạm Quang T và giải quyết về vấn đề con chung khi ly hôn. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là " Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con" , theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T hiện cư trú tại phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

{2} Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Nga và anh Phạm Quang T đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau cùng bố mẹ chị N tại Khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Đến năm 2021 thì vợ chồng chuyển ra ở riêng tại khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị N và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 10/2023, chị N đã thuê nhà sống tại Chung cư Long Vỹ,

phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Anh T xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị N không tôn trọng anh, vợ chồng có xảy ra to tiếng, vợ chồng ly thân từ tháng 10/2023. Anh không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì cải thiện tình cảm vợ chồng, tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh T.

Qua đó, cho thấy có căn cứ để xác định vợ chồng chị N, anh T không chung sống cùng nhau, có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống chung, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, tôn trọng nhau. Do vậy, cần xử cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N, anh T đều xác định có 01 con chung là Phạm Quang V, sinh ngày 13/10/2016 đang ở với chị N. Chị N và anh T đều có yêu cầu được nuôi cháu Vinh; cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu V hiện đang ở với chị N, được chị N lo ăn học đầy đủ, cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ; chị N có công việc thu nhập và chỗ ở ổn định đảm bảo việc nuôi con nên cần giao cháu Vinh cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 238, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Phạm Quang T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Quang V, sinh ngày 13/10/2016 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

`Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền chị N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003510 ngày 31/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Tân Hồng,
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hoàn